TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 364/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 14/9/2024
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Bà Vũ Thị Yến.
Các hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng
Bà Nguyễn Thị Bích Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Huyền- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 383/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 406/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Ngọc Á**, sinh năm 2001; địa chỉ: Khu dân cư L, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

Người được chị Nguyễn Ngọc Á ủy quyền giao nhận văn bản tố tụng tại Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1982; địa chỉ: Khu G, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Tuấn K**, sinh năm 1998; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Số nhà B, ngõ C phố Q, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương; địa chỉ hiện nay: Đài Loan.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Trương Thị T1, sinh năm 1973; địa chỉ: Số nhà B, ngõ C phố Q, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

(Chị Á, bà T, bà T1 có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt; anh K được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt - Nguyên đơn chị Á trình bày:

Chị Á và anh K tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 20/3/2019 tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường H, thị xã K); sau khi kết hôn chị Á về sinh sống cùng gia đình anh K, thời gian đầu

vợ chồng sinh sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn. Đến năm 2020, anh chị đi lao động tại Đài Loan, thời gian đầu vợ chồng cùng chung sống, sau đó mỗi người sống một nơi, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hay cãi vã. Đến nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K.

Về con chung: Chị Á và anh K có 01 con chung là Nguyễn Khánh M, sinh ngày 22/7/2017; hiện cháu M đang do mẹ đẻ của anh K là bà Trương Thị T1 chăm sóc và nuôi dưỡng. Đến nay chị có nguyện vọng giao cháu M cho anh K chăm sóc và nuôi dưỡng, trong thời gian anh K không có mặt tại nhà, chị đồng ý giao cháu M cho bà T1, chăm sóc và nuôi dưỡng cháu M. Chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh K số tiền 2.000.000đ/01 tháng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Á không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Á tự nguyện chịu án phí ly hôn, án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

- Do nguyên đơn chị Á không cung cấp được địa chỉ của anh K tại Đài Loan. Tòa án tiến hành xác minh tại gia đình anh K, mẹ đẻ của anh K là bà Trương Thị T1, bà T1 đồng thời là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày: Bà xác định về điều kiện kết hôn giữa chị Á và anh K như chị Á trình bày là đúng. Anh K thường xuyên liên lạc về gia đình, anh K và chị Á đã có mâu thuẫn, cãi vã và ly thân thời gian dài, nay chị Á xin ly hôn anh K cũng nhất trí. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh K được biết.

Hiện anh K đang lao động tại Đài Loan, anh K không có địa chỉ cụ thể tại Đài Loan, anh K không cung cấp địa chỉ và không gửi văn bản về Tòa án được, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh K và chị Á có 01 con chung là Nguyễn Khánh M, sinh ngày 22/7/2017, hiện cháu đang do bà T1 chăm sóc và nuôi dưỡng. Chị Á có quan điểm giao cháu M cho anh K chăm sóc và nuôi dưỡng, trong thời gian anh K không có mặt tại nhà, chị đồng ý giao cháu M cho bà T1 chăm sóc và nuôi dưỡng cháu M; anh K và bà T1 nhất trí.

Về cấp dưỡng: Anh K không yêu cầu chị Á cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên, nếu chị Á tự nguyện cấp dưỡng thì anh cũng nhất trí

Về tài sản, công nợ chung: Chị Á và anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Các đương sự đều vắng mặt.

Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương: Về việc tuân theo pháp luật, từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử (HĐXX) nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng cơ bản chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án; Xử cho chị Á được ly hôn anh K; giao con chung

Nguyễn Khánh M, sinh ngày 22/7/2017 cho anh K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành; tạm giao chái M cho bà T1 chăm sóc và nuôi dưỡng trong thời gian anh K không có mặt tại địa phương; chị Á có nghĩa vụ cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng cho cháu M kể từ tháng 9/2024 đến khi đủ 18 tuổi; chị Á phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (đã nộp) và 300.000đ án phí cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.1] Bị đơn anh K hiện đang sinh sống và làm việc Đài Loan nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại: Số nhà B, ngõ C phố Q, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, chị Á không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh K ở nước ngoài. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu nhưng gia đình anh K đều trình bày không biết địa chỉ cụ thể của anh K tại Đài Loan. Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho bà Trương Thị T1 là mẹ đẻ của anh K để bà T1 thông tin lại cho anh K biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị Á và anh K đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Á và anh K tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 20/3/2019 tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường H, thị xã K) nên là hôn nhân hợp pháp.

Sau sau khi kết hôn chị Á về sinh sống cùng gia đình anh K, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2020, anh chị đi lao động tại Đài Loan, thời gian đầu vợ chồng cùng chung sống, sau đó mỗi người sống một nơi, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hay cãi vã. Đến nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, anh chị không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho chị Á được ly hôn anh K là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về con chung:* Chị Á và anh K có 01 con chung là Nguyễn Khánh M, sinh ngày 22/7/2017; hiện cháu M đang do mẹ đẻ của anh K là bà Trương Thị T1 chăm sóc và nuôi dưỡng. Đến nay chị có nguyện vọng giao cháu M cho anh K chăm sóc và nuôi dưỡng, trong thời gian anh K không có mặt tại nhà, chị đồng ý giao cháu M cho bà T1, chăm sóc và nuôi dưỡng. Chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh K số tiền 2.000.000đ/01 tháng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Anh K và bà T1 đồng ý với quan điểm của chị Á.

Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Á, giao con Nguyễn Khánh M, sinh ngày 22/7/2017 cho anh K chăm sóc và nuôi dưỡng. Tạm giao cháu M cho bà T1 chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh K không có mặt tại Việt Nam. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Á về việc cấp dưỡng nuôi con cùng anh K số tiền 2.000.000đ/01/tháng, kể từ tháng 9/2024 cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Á phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, qua lời khai của đương sự và tài liệu Tòa án thu thập được, thể hiện: Giấy khai sinh và căn cước công dân chị Nguyễn Ngọc Á thể hiện chị Á sinh ngày 25/2/2001. Cháu Nguyễn Khánh M tại Giấy khai sinh thể hiện sinh ngày 22/7/2017; họ, chữ đệm, tên người mẹ: Nguyễn Ngọc Á, sinh năm 2001, nơi cư trú: Xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương; họ, chữ đệm, tên người cha: Nguyễn Tuấn K, sinh năm 1998, nơi cư trú: Thị trấn K, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Xét thấy các tài liệu trên thể hiện việc chị Nguyễn Ngọc Á và anh Nguyễn Tuấn K có quan hệ như vợ chồng khi chị Á chưa đủ 16 tuổi. Anh Nguyễn Tuấn K có dấu hiệu của hành vi phạm tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, theo quy định tại Điều 145 Bộ luật hình sự. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã sao gửi tài liệu kèm theo công văn đề nghị Công an thị xã K, tỉnh Hải Dương xem xét, giải quyết vụ việc theo thẩm quyền.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc Á.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Ngọc Á được ly hôn anh Nguyễn Tuấn K.

2. Về con chung: Giao con Nguyễn Khánh M, sinh ngày 22/7/2017 cho anh K chăm sóc và nuôi dưỡng. Tạm giao cháu M cho bà Trương Thị T1 chăm sóc và nuôi dưỡng trong thời gian anh K không có mặt tại Việt Nam.

Chị Á được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng Chấp nhận sự tự nguyện của chị Á về việc cấp dưỡng nuôi con cùng anh K với số tiền 2.000.000đ/01 tháng kể từ tháng 9/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Chị Á phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0000860 ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị Á còn phải nộp 300.000đ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Á và anh K, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Bà T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *UBND phường Hiệp An, thị xã Kinh Môn;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Yến